

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 3 - 2023
*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Giang;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Bạ

2. Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phú - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 224/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/02/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Huyền L, sinh năm 2001;

Địa chỉ: Khu C, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

2. Bị đơn: Anh Mạc Đình P, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

* Người làm chứng: Bà Mạc Thị P1, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Khu dân T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Chị L, anh P, bà P1 đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2022, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, chị Đỗ Huyền L trình bày:

Chị và anh Mạc Đình P đăng ký kết hôn ngày 13/3/2020 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa P1. Sau ngày cưới, vợ chồng thuê nhà và làm việc tại tỉnh Bắc Ninh. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra cãi nhau do

không hợp tính cách và thường hay bất đồng quan điểm. Đến tháng 9/2022, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở khu C, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh ở, còn anh P về nhà mẹ đẻ ở khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương ở. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm và không thể về đoàn tụ được. Do vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Mạc Thái S, sinh ngày 17/9/2020. Nếu ly hôn chị đề nghị giao con cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con với chị. Lý do chị xin được nuôi con chung vì cháu còn nhỏ, ở với mẹ sẽ tốt cho cháu hơn; hiện tại chị đang ở cùng bố mẹ tại khu C, phường V, thành phố B. Nhà cửa rộng rãi, bố mẹ chị cũng tạo điều kiện hỗ trợ chị về chỗ ở, kinh tế và thời gian để chăm sóc con giúp chị. Chị hiện tại lao động tự do, bán hàng qua mạng và phụ giúp bố chị kinh doanh vật liệu xây dựng, thu nhập khoảng 6.000.000đ/tháng, chị đủ khả năng để chăm sóc tốt cho con. Hiện tại, con chị đang ở cùng chị cũng, được chị và gia đình chăm sóc tốt, cháu khỏe mạnh và ngoan ngoãn. Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Mạc Đình P đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến làm việc. Quá trình giải quyết vụ án, anh P xuất cảnh ra nước ngoài. Tại công văn trả lời số 5883/QLXNC-P5 ngày 20/3/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xác định: Anh Mạc Đình P xuất cảnh ngày 07/02/2023 qua cửa khẩu Mộc Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

- Bà Mạc Thị P1 - mẹ đẻ của anh P xác định: Anh P và chị L kết hôn với nhau năm 2020. Sau đó, vợ chồng làm việc và ở trọ tại Bắc Ninh. Quá trình chung sống, vợ chồng mâu thuẫn cụ thể thế nào bà không nắm được. Cuối năm 2022, anh P chuyển về nhà bà ở khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Chị L thì vẫn ở Bắc Ninh. Vợ chồng không quan tâm đến nhau. Anh P cũng không nói lý do vợ chồng mâu thuẫn. Ở nhà bà khoảng 02 tháng thì anh P chuyển vào miền Nam làm ăn. Thỉnh thoảng anh P có điện thoại về nhưng cũng không nói rõ đang ở đâu. Sau khi anh P đi làm thì chị L có về nói là muốn ly hôn với anh P, nhưng chị L cũng không nói lý do ly hôn. Sau khi tòa án thụ lý vụ án, anh P điện thoại về thì cũng có nói với bà là biết việc chị L xin ly hôn, nhưng anh P có quan điểm là tùy tòa án giải quyết, anh không đến tòa. Nay chị L xin ly hôn, quan điểm của bà P1 là cũng nhất trí vì đó là quyền của chị L. Về con chung: Quan điểm của bà P1 là do cháu S còn ít tuổi, lại ở với mẹ từ nhỏ đến nay, vì vậy nên giao cho chị L tiếp tục nuôi con.

- Tại biên bản xác minh với khu dân cư T, phường Đ xác định: Anh P có hộ khẩu thường trú tại khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Anh P sau khi kết hôn thì làm việc ở Bắc Ninh. Cuối năm 2022, anh P có về nhà bà P1 ở được

một thời gian lại đi ngay. Mâu thuẫn cụ thể giữa anh P và chị L khu dân cư không nắm được. Nay chị L xin ly hôn anh P, quan điểm của khu dân cư là đề nghị Tòa án cứ tiến hành giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Chị L vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh P được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 471 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Huyền L được ly hôn anh Mạc Đình P. Về con chung: Xử giao con chung là Mạc Thái S, sinh ngày 17/9/2020 cho chị Đỗ Huyền L được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Mạc Đình P không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị L. Về án phí: Chị Đỗ Huyền L phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn, giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa. Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Anh P đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, anh Mạc Đình P xuất cảnh ra nước ngoài. Theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án không thay đổi về thẩm quyền giải quyết.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Mạc Đình P cư trú tại: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Chị Đỗ Huyền L khởi kiện xin ly hôn anh P và đề nghị giải quyết về việc nuôi con chung, do vậy, đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh thụ lý giải

quyết vụ án là đúng với thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Huyền L và anh Mạc Đình P kết hôn với nhau ngày 13/3/2020 trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ. Do vậy, hôn nhân của chị L, anh P là hợp pháp. Sau khi kết hôn một thời gian, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp tính cách và thường hay bất đồng quan điểm. Từ tháng 9/2022, mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Mặc dù, Tòa án đã triệu tập anh P đến Tòa án nhiều lần, anh P biết nhưng không đến Tòa và cố ý giấu địa chỉ hiện tại, thể hiện sự thờ ơ, bỏ mặc tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị L, anh P từ tháng 9/2022 đến nay không sống chung, yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị L xin ly hôn với anh P.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Mạc Thái S, sinh ngày 17/9/2020. Hiện tại, cháu S vẫn đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P hiện tại làm xa nhà, không rõ địa chỉ. Chị L và cháu S đang ở cùng bố mẹ đẻ chị L, có chỗ ở rộng rãi và được sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ chị L. Hiện tại, cháu S vẫn đang ở cùng chị, được chị và gia đình chăm sóc tốt, cháu khỏe mạnh và ngoan ngoãn; cháu S hiện tại chưa đủ 36 tháng tuổi. Do vậy, cần căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận theo yêu cầu của chị L về việc giao con Mạc Thái S cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Chị L không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị, đây là ý kiến tự nguyện của chị L, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[5] Anh P không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về quan hệ tài sản: Chị L, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 471 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Huyền L được ly hôn anh Mạc Đình P.

2. Về con chung: Xử giao con chung là Mạc Thái S, sinh ngày 17/9/2020 cho chị Đỗ Huyền L được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Mạc Đình P không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị L.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh P thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Đỗ Huyền L phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị L đã nộp theo biên lai thu số: AA/2020/0003162 ngày 10/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Chị L đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường Đ (Để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Giang